

Bản án số: 298/2020/DS-PT

Ngày: 24 - 12 - 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài  
sản và vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Út

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thanh Khuyên, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 368/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 329/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn T, sinh năm 1968 (vắng)

Cư trú tại: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Quốc K, sinh năm 1985.

Cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông K: Bà Tô Hồng P, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp C, xã Hòa T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 23/12/2020) (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Mai Văn C, sinh năm 1954 (vắng).

Cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2/ Ông Nguyễn Hùng A(vắng).

Cư trú tại: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo: Ông Hồ Quốc K - Bị đơn.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo nguyên đơn là ông Lâm Văn T trình bày:*

Vào năm 2015 ông Nguyễn Hùng A có mua thức ăn của ông còn nợ số tiền 76.481.000 đồng, do không đủ vốn để tiếp tục nuôi tôm nên ông Hùng A đã giao đất lại cho ông Hồ Quốc K để nuôi tôm và ông K đã đứng ra nhận trả toàn bộ số tiền mà ông Hùng A nợ ông 76.481.000 đồng. Do quen biết nên giữa ông và ông K, ông Hùng A đã thỏa thuận ông K có nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Hùng A số tiền mà ông Hùng A nợ ông, ngoài ra ông K có mượn ông số tiền 15.000.000 đồng, ông K có làm biên nhận trả nợ thay cho ông Hùng A và trả phần nợ 15.000.000 đồng. Vào ngày 25 tháng 12 năm 2015 ông Mai Văn C có nợ ông số tiền 6.500.000 đồng, giữa ông và ông K, ông C đã thỏa thuận ông K có nghĩa vụ thay ông C trả nợ cho ông số tiền 6.500.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại ông K phải có trách nhiệm trả tổng cộng 97.981.000 đồng, ông có yêu cầu ông K nhiều lần nhưng ông K không thanh toán. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K trả cho ông số tiền 97.981.000 đồng.

- *Theo bị đơn là ông Hồ Quốc K trình bày:*

Trước đây ông Nguyễn Hùng A có mua thức ăn của ông Lâm Văn T, trong khi ông Hùng A đang nuôi tôm thì ông T không bán thức ăn cho ông Hùng A nên ông T có nhờ ông lấy tiền của ông Hùng A số tiền ông Hùng A còn nợ ông T với số tiền 76.481.000 đồng. Ông có yêu cầu ông Hùng A trả số tiền 76.481.000 đồng nhưng ông Hùng A không chịu trả, ông Hùng A nói nợ ông T thì trả cho ông T, ông có điện cho ông T gặp ông Hùng A đòi nợ. Đối với số tiền của ông C, trước đây ông C có nợ tiền mua thức ăn của ông T và ông T có nợ tiền ông nên giữa ông và ông T, ông C gặp mặt nhau và ông lấy 6.500.000 đồng mà ông C nợ ông T để trừ nợ ông T, ông C đã đưa cho ông 6.500.000 đồng. Đối với số tiền 15.000.000 đồng, trước đây có mượn của ông T 15.000.000 đồng nhưng đã đối trừ xong vì ông T còn nợ tiền mua thức ăn của ông. Hiện nay ông T còn nợ ông số tiền khoảng 160.000.000 đồng nhưng do không có chứng từ nên ông không yêu cầu ông T trả tiền. Ông thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận do ông T cung cấp là chữ viết và chữ ký của ông. Như ông trình bày ở trên số nợ của ông Hùng A là ông T nhờ ông lấy dùm, còn tiền mượn 15.000.000 đồng ông đã trừ nợ với ông T xong. Biên nhận mà ông T cung cấp cho Tòa án là biên nhận cũ, hai bên đã đối trừ nợ xong. Như đã trình bày ở trên nên ông T yêu cầu ông trả số tiền 97.981.000 đồng ông không đồng ý.

- *Theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Mai Văn C trình bày:*

Trước đây giữa ông và ông T có mua bán thức ăn với nhau, sau này ông T không còn bán thức ăn, ông còn nợ tiền ông T nhưng ông không nhớ rõ nợ bao nhiêu tiền. Sau này ông có nhờ ông K trả tiền cho ông T và ông đã trả tiền lại cho ông K xong, số tiền và thời gian trả ông không nhớ cụ thể.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:*

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 370; Điều 430; Điều 440; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự và áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Văn T. Buộc ông Hồ Quốc K có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Văn T số tiền 97.981.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 02/11/2020, ông Hồ Quốc K có đơn kháng cáo cùng yêu cầu cấp phúc xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm vì ông không thiếu nợ ông T nên không đồng ý thanh toán như án sơ thẩm quyết định.

#### **Tại phiên tòa:**

Đại diện bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm. Vì ông K không thiếu nợ ông T nên không đồng ý thanh toán số tiền 97.981.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ ông Lâm Văn T, ông Nguyễn Hùng Avà ông Mai Văn C nhưng các đương sự này vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông T, ông Hùng Avà ông C.

[2] Bản án sơ thẩm quyết định buộc ông Hồ Quốc K có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lâm Văn T số tiền 97.981.000 đồng. Ông K không đồng ý nên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo

Qua xem xét toàn diện chứng cứ, thể hiện lời khai của nguyên đơn ông T thì ông Nguyễn Hùng A thiếu tiền mua thức ăn tôm của ông T 76.481.000 đồng. Do không có khả năng thanh toán, nên ông Hùng Agiao lại quyền sử dụng đất để ông K nuôi tôm, ông K lãnh trách nhiệm trả nợ thay; ngoài ra ông K còn nhận trả nợ thay ông C thiếu ông T 6.500.000 đồng và ông K mượn ông T 15.000.000 đồng, vì vậy ông T yêu cầu ông K trả ba khoản tiền bằng 97.981.000 đồng.

Đối với lời khai của bị đơn, ông K: Tại các biên bản ghi lời khai ông K xác nhận có những khoản tiền như ông T khai; tuy nhiên, số tiền 76.481.000 đồng do Hùng A không đồng ý trả cho K nên ông K không thu hồi được cho ông T; khoản tiền 6.500.000 đồng thì ông K đã thu hồi từ ông C nhưng do T thiếu tiền K nên ông K giữ lại để đối trừ; khoản tiền 15.000.000 đồng ông K đã thanh toán cho ông T xong. Nguyên đơn không thừa nhận lời khai này của ông K, nhưng ông K không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong khi đó tại bút lục số 04 là “Toa” do ông T kê ra các loại thức ăn tôm thể hiện đúng số tiền 76.481.000 đồng, thì trong văn bản còn thể hiện chữ viết ký tên ông K (được ông K thừa nhận do ông viết ký tên) có nội dung: **“Hùng Anh, K nhận dứt 76.481.000 đồng + 15.000.000 đồng (mượn) bằng 91.981.000 đồng (H. K nợ)”**. Như vậy, sự việc ông K ký nhận nợ hai khoản tiền trong đó có khoản tiền của Hùng A là 76.481.000 đồng và 15.000.000 đồng K mượn và ông K đã thu hồi từ C 6.500.000 đồng là thực tế xảy ra. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn xác nhận có thỏa thuận những khoản tiền như nguyên đơn khai là đúng, nhưng đôi bên đã tính toán xong hiện bị đơn không còn nợ tiền nguyên đơn, có chứng từ thanh toán nhưng hiện tại bị đơn không lưu giữ nên không có để nộp tại Tòa án. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, bản án sơ thẩm buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 97.981.000 đồng là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của ông K; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 123/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm các đương sự phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Quốc K; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 123/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau.

*Tuyên xử:*

Áp dụng các Điều 370; Điều 430; Điều 440; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Văn T. Buộc ông Hồ Quốc K có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lâm Văn T số tiền 97.981.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu chín trăm tám mươi một ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trường hợp ông K chậm thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

## 2. Về án phí

### 2.1. Án phí dân sự sơ thẩm

Ông Lâm Văn T không phải chịu án phí, ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí 2.450.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019211 ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P; ông T được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Hồ Quốc K có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.899.050 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông K phải chịu 300.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012149 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hiền**



